

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGT – ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2019
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Nguyệt
2. Ông Đoàn Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987, (có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Lê Diên A, sinh năm 1979, (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2018 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y ngày 19/3/2014. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh A. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Được khoảng một năm thì chị phát hiện anh A nghiện ma túy, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời rồi về nhà chửi bới chị. Chị cùng gia đình đã nhiều lần động viên anh A cai nghiện nhưng anh A không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đến tháng 8/2018 anh A đánh đuổi chị nên chị phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Chị được biết vào tháng 9/ 2018 anh A bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Bị đơn anh Lê Diên A vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh A trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị H là đúng. Chị H làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau được một thời gian nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hiện nay anh đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc, không thể đến Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc để tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị H và anh được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị H và anh A đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Lê Phạm Anh B, sinh ngày 11/9/2011 và Lê Phạm Hồng C, sinh ngày 20/4/2018 (Hiện cháu B và cháu C đang ở với chị H). Ly hôn, anh chị thống nhất để chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu C, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ nội dung đã trình bày: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, đồng ý để chị H được tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Lê Diên A; Về con chung: Chị Phạm Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Phạm Anh B, sinh ngày 11/9/2014 và Lê Phạm Hồng C, sinh ngày 20/4/2018. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Lê Diên A, anh A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Diên A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 19/3/2014 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh A có hộ khẩu thường trú đều thể hiện, chị H và anh A hiện nay đang sống ly thân. Hiện tại chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2018, còn anh A phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A nghiện ngập không chịu lao động nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Vợ chồng chị H, anh A có hai con chung là cháu Lê Phạm Anh B, sinh năm 2014 và Lê Phạm Hồng C, sinh năm 2018, từ khi chị H bỏ nhà bố mẹ ở thì đưa các con theo. Thời gian ở địa phương chị H đi làm công nhân và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Còn anh A nghiện ngập, không có việc làm ổn định, bản thân anh A đang phải đi cai nghiện. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh A, chính quyền địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh A vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh A nghiện ngập, chơi bời không chịu lao động dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi chửi nhau. Từ tháng 8/2018 đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Chị H làm đơn xin ly hôn và anh A đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh A có hai con chung là Lê Phạm Anh B, sinh ngày 11/9/2014 và Lê Phạm Hồng C, sinh ngày 20/4/2018 (Hiện cháu B và cháu C đang ở với chị H). Ly hôn, chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh A đồng ý với yêu cầu trên của chị H. Do vậy, cần giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu C là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận chị Phạm Thị H không yêu cầu anh Lê Diên A cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Lê Diên A.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Phạm Anh B, sinh ngày 11/9/2014 và Lê Phạm Hồng C, sinh ngày 20/4/2018. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.
3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000620 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung